

NỖI BẤT HẠNH CỦA QUÂN LỰC VIỆT NAM CỘNG HÒA

Hồ Đĩnh



Tự ngàn xưa, quân đội Việt Nam đã nổi tiếng kiêu hùng, nên đã đạt được nhiều chiến công hiển hách, trong suốt dòng lịch sử của dân tộc, qua các cuộc bình Chiêm, phá Tống Nguyên Minh Thanh, khiến các nước lân bang Lào, Miên và cả Xiêm La phải kinh hồn bạt vía. Là con cháu của tổ tiên Hồng-Lạc, chúng ta dù được sinh vào thế hệ nào chẳng nữa, ra đời trong nước hay nơi hải ngoại, vẫn luôn ngưỡng mộ và hãnh diện, về công đức vĩ đại của tiền nhân, trong đó miên viễn quân đội bao đời, vẫn là thành phần trân quý nhất, qua sự nghiệp bảo vệ đất nước và sinh mệnh của đồng bào.

Với ý nghĩa thiêng liêng và cao quý trên, Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, được hình thành trong giai đoạn đất nước tạm chia (1955-1975), chống lại cuộc xâm lăng bằng quân sự, của khối cộng sản đê tam quốc tế, do Việt Cộng Bắc Việt đảm nhận. Đây là một cuộc chiến sinh tử, của quân đội Miền Nam, chống lại cuộc xâm lăng của bộ đội Miền Bắc, để giữ lại phân nửa gấm vóc giang sơn của tiền-nhân, không lọt vào gông cùm nô lệ của giặc đỏ.

Cho nên, đây không phải là một cuộc chiến giữa Cộng sản Bắc Việt và người Mỹ, như giới truyền thông phương Tây, thời đó và ngay cả bây giờ, đã bóp méo sự thật, mục đích đầu độc dư luận thế giới, làm giảm uy tín của QLVNCH. Có như thế mới vừa chửi Mỹ, vừa tô son vẽ mặt cho đạo quân tiền phong cộng sản tại Đông Nam Á, tức Bắc Việt có một chính nghĩa lý tưởng, đánh đuổi Mỹ-Ngụy cứu nước. Đây cũng chính là nỗi thảm thê chất ngất của người Lính Miền Nam, trong hai mươi năm khói lửa. Vì định kiến, vì buông xuôi, vì thủ đoạn con buôn quốc tế, tất cả đã dồn ép QLVNCH vào chân tường, trong cuộc chiến đấu đơn độc, không hậu phương, không một chút tình quân-dân, cá-nước.

Hai mươi năm chiến đấu, đời lính buồn ơi là buồn, trước mặt phải trực diện với một kẻ thù gian xảo độc ác, mất hết thiên lương nhân tính vì đã

bị chủ nghĩa nhồi sọ, cho nên chỉ biết có giết người để đạt mục đích được khắc sâu trong da thịt. Còn sau lưng bị thọc bởi hậu phương vô tình bạc bẽo và cuối cùng trên đầu là đồng minh với đại bàng, luôn rình rập để phản bội và bán đứng.

Cảm nhận được thân phận nhược tiểu của đất nước và sự bất hạnh của dân tộc, nên người lính chấp nhận hy sinh đời trai, để làm tròn bổn phận cùng trách nhiệm của một con người có tim óc, cho tới trưa ngày 30-4-1975, khi TT. Dương Văn Minh bắt buông súng đầu hàng.

Sau đó, cộng sản Hà Nội thẳng tay cướp bóc, chẳng những mọi chiến lợi phẩm của chính phủ VNCH từ công ốc, ngân khố, quân trang dụng, trong đó có mười sáu tấn vàng y của quốc gia, được Nguyễn Văn Hào giữ lại để nạp dâng công cho Bắc Bộ Phủ. Tệ nhất là VC táng tận lương tâm, cướp luôn tài sản mồ hôi nước mắt của đồng bào, mà trong số này, có nhiều mẹ chiến sĩ, đã từng nuôi giấu cán binh bộ đội, ủng hộ vàng bạc lúa gạo cho chúng, trong suốt thời gian chiến tranh.

Thì ra cách mạng bảy mươi năm, để giải phóng đất nước, mục đích cũng chỉ có thể thôi, nên từ đó theo thời gian, hằng ngàn huyền thoại về 'Người Bộ Đội Miền Bắc, Vượt Trường Sơn Vào Nam Đánh Mỹ Cứu Nước', đã theo lớp sơn phấn đảng tham nhũng, tham tàn, tham địa vị, tan biến theo lớp sóng phũ phàng của cuộc đời mạt lộ.

Ba mươi năm tan hàng rã ngũ, quân-dân Miền Nam đã lần lượt đồng hành, qua hết chín tầng địa ngục trần gian nơi thiên đàng xã nghĩa. Nhưng người lính Miền Nam, sinh ra trong khói lửa, trưởng thành chốn chiến trường, nên thể xác dù đã bị bầm giập tan nát, tinh thần của người lính vẫn nguyên vẹn và không ai có thể thay đổi hay ngăn cản lý tưởng của họ.

*"dấu binh lửa nước non như cũ
kẻ hành nhân qua đó chạnh thương
phận trai già rúi chiến trường
chàng Siêu, tóc đã điểm sương mới về".
(Chinh Phụ Ngâm Khúc)*

1. Những lý do phát sinh QLVNCH

Ngày 13-8-1945, Nhật đầu hàng Đồng Minh vô điều kiện, sau khi bị Hoa Kỳ, thả hai trái bom nguyên tử xuống hai thành phố Trường Kỳ và Quang Đảo. Lợi dụng thời cơ trên, quân viễn chinh Pháp theo quân Anh-Ấn xâm nhập VN, chiếm Sài Gòn và Nam Kỳ. Ngày 2-9-1945, nhờ lực lượng OSS (tiền thân của CIA) giúp súng đạn, nên chỉ có một nhóm rất ít cán bộ cộng sản, đã áp đảo khủng bố được đồng bào, để cướp chính quyền của quốc gia lúc đó, đang bị Pháp-Nhật và quan lại Nam Triều, quăng bỏ lẳng lóc một cách tội nghiệp, thê thảm bên vệ đường tại Hà Nội, Huế, Sài Gòn.

Nhờ vậy, Hồ Chí Minh và đảng Việt-Cộng mới có cơ hội, cho quân viễn chinh Pháp từ trong Nam, đổ bộ lên đất Bắc, lúc đó đang do quân Trung Hoa đóng, theo lệnh của Liên Hiệp Quốc, để giải giới quân Nhật từ vĩ tuyến 16 trở ra. Theo mọi nguồn sử liệu còn lưu trữ, thì chính Hồ Chí Minh cùng Pháp, đã đồng thuận dựng lên một vở tuồng, trong đó Pháp đã mớm lời cho Hồ Chí Minh kêu gọi toàn quốc kháng chiến chống Pháp vào năm 1946. Có kêu gọi, thì Hồ Chí Minh và đảng cộng sản mới nhập nhằng hợp thức hoá, vai trò lãnh đạo Mặt Trận Việt Minh và đất nước. Rồi vì toàn dân VN nổi lên kháng chiến, nên thực dân Pháp mới có đủ lý do đem quân từ Nam Kỳ ra Bắc Việt, cũng như biện minh với thế giới về chính sách thực dân của mình, trong khi nhân loại đang tìm đủ mọi cách xóa bỏ.

Cũng từ đó, người VN khắp mọi miền đất nước, thay vì đoàn kết chống thực dân, lại chia rẽ thành các khuynh hướng chính trị khác nhau, khiến cho máu dân Việt lại tiếp tục đổ, để cho màu cờ của đảng cộng sản thêm rục rở màu máu.

Trong giai đoạn lịch sử này, hai lực lượng quân sự của người Việt đã thành hình. Đó là Mặt Trận Việt Minh, một phong trào kháng chiến chống Pháp, của tập thể người Việt yêu nước, bị Hồ Chí Minh và đảng cộng sản đê tam núp bóng, khống chế bằng chủ thuyết Mác-Lênin.

Lực lượng thứ hai gọi là 'Quân đội Quốc-Gia', thực chất cũng chỉ là mượn màu da thay xác chết, bị thực dân Pháp và các lãnh tụ chính trị áp đảo, lợi dụng. Tóm lại người Việt lúc đó, cho dù có chiến đấu trong hàng ngũ nào chẳng nữa, cũng chỉ tổn xương máu vô ích mà thôi, vì chỉ để phục vụ cho các chủ thuyết chính trị quốc tế mà thôi.

Về sự thành hình của Quân Đội Quốc Gia cũng vô cùng phức tạp nhưng cũng có thể tóm tắt qua bốn lý do chính sau đây:

a. PHÁP LỢI DỤNG THÀNH PHẦN HỢP TÁC CŨ

Ngay khi đặt được chân vào Sài Gòn sau tháng 9-1945, nhờ sự giúp đỡ của quân Anh-Ấn, tới VN giải giới quân Nhật. Thực dân đã sử dụng ngay các thành phần cộng tác cũ như công chức, hương chức, quan lại, kỳ hào, lính khố xanh khố đỏ, các dân tộc thiểu số Thái, Mường, Nùng, Thổ, người Thượng cao nguyên Trung Phần, người Chàm, Khmer... để hình thành một lực lượng thân binh. Chính những người này, mới là lực lượng quân sự đầu tiên chống lại cộng sản đê tam quốc tế, qua bình phong Việt Minh, vì họ bị kết tội là Việt Gian, luôn bị Việt Cộng đuổi giết tận tuyệt, dồn sát vào chân tường, nên phải chống lại vì không còn con đường nào lựa chọn.

b. CỘNG SẢN XÔ ĐẨY NGƯỜI QUỐC GIA THEO PHÁP

Ngay khi Pháp được Hồ Chí Minh cho đổ bộ lên đất Bắc, thế chân quân Lư Hán của Trung Hoa, lúc đó, cộng sản đang núp bóng mặt trận kháng chiến Việt Minh, để được độc quyền lèo lái toàn dân và đất nước VN vào quỹ đạo của chủ nghĩa Lê-Mác. Ai cũng biết Việt Minh là tổ chức chống

Pháp của cả nước, bao gồm mọi đảng phái chính trị, chứ không phải của riêng đảng cộng sản đệ tam quốc tế. Ngoài ra, các lực lượng quốc gia cũng đang cùng VC hợp tác chung trong Chính Phủ Liên Hợp, để chống ngoại xâm.

Do đó, để độc quyền, độc đảng, Hồ Chí Minh và đảng cộng sản đã thẳng tay tiêu diệt các đảng phái và những ai đối lập. Do sự khủng bố trên, lực lượng quân sự thuộc các đảng phái quốc gia trong mặt trận Việt Minh, phải tách rời để sống còn. Đây là một trong những thành phần chống lại cộng sản quyết liệt, trong Chính Phủ Bảo Đại từ sau năm 1946-1954.

c. CỘNG SẢN XÔ ĐẨY TÔN GIÁO THÀNH THÙ ĐỊCH

Với chủ trương hủy diệt mọi tôn giáo, Việt Minh qua cộng sản Hà Nội, đã xô đẩy các tín đồ Phật, Thiên Chúa giáo nhất là hai giáo phái Phật Giáo Hòa Hảo và Cao Đài, trở thành những lực lượng đối nghịch chống lại cộng sản

d. CỘNG SẢN XÔ ĐẨY MỌI THÀNH PHẦN XÃ HỘI VÀO HÀNG NGŨ QUỐC GIA

Việt Minh qua sự khống chế của Đệ tam cộng sản quốc tế, đã dùng bạo lực để tiêu diệt mọi thành phần đối tượng xã hội như trí thức, địa chủ, tiểu tư sản, thợ thuyền...qua các chiến dịch gọi là Diệt Tề và Phản Động, khiến cho một số lớn thanh niên nam nữ, đang chiến đấu trong hàng ngũ Việt Minh, đã bỏ về vùng Pháp chiếm đóng.

Như vậy tất cả bốn lực lượng trên, đều chung chủ trương chống lại cộng sản đệ tam, bắt đầu từ năm 1957. Thực tế lực lượng quân sự của Quốc Gia VN, được chính thức thành lập ngày 11-5-1950, cho tới khi ký kết Hiệp Định ngưng bắn Genève năm 1954, vẫn trực thuộc Pháp.

Tháng 7-1954 chia hai đất nước, cho tới 12 giờ trưa ngày 30-4-1975, VNCH được độc lập, cũng từ đó, Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, lớn mạnh và trưởng thành, thoát khỏi ảnh hưởng của ngoại bang, nhờ vậy trong suốt hai mươi năm lửa binh tàn khốc, người lính Miền Nam mới có đủ can trường, để chiến đấu và hy sinh, trong nhiệm vụ bảo vệ đất nước và tài sản của đồng bào, trước sự xâm lăng của cộng sản.

Tóm lại nếu không bị Mỹ và bọn trí thức thiên tả của Miền Nam bán đứng, chắc chắn VNCH, cũng như Tây Đức, Nam Hàn và Đài Loan, không bị mất và sụp đổ vào tay Bắc Việt vào tháng 4-1975.

2. Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa

Lãnh thổ VNCH được chia thành 4 vùng Chiến Thuật và một Biệt Khu Thủ Đô. Tính tới ngày ký Hiệp Định ngưng bắn tháng 2-1973 tại Paris, QLVNCH có 220.000 Chủ Lực Quân, gồm 11 Sư đoàn Bộ Binh, mang số 1, 2, 3, 5, 7, 9, 18, 21, 22 và 25. Ngoài ra còn có 2 sư đoàn Tổng Trừ Bị là Sư đoàn Nhảy Dù và Sư đoàn Thủy Quân Lục Chiến, 15 Liên Đoàn Biệt

Động Quân (quân số tương đương với một Trung Đoàn Bộ Binh, gồm 3 Tiểu Đoàn và một Đại Đội Trinh sát) và Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù thuộc Binh Chủng Lực Lượng Đặc Biệt.

Riêng các quân binh chủng yểm trợ gồm có :

* **Pháo Binh:** Gồm 66 tiểu đoàn và 164 trung đội pháo biệt lập, với 1.492 khẩu pháo đủ loại (105-155-175 ly) và bảy tiểu đoàn pháo binh phòng không.

* **Thiết Giáp:** Gồm 22 thiết đoàn và 51 chi đoàn thiết giáp biệt lập, sử dụng 2074 xe bọc sắt đủ loại như M113, 114 thiết vận xa và chiến xa M41, 48.

* **Không Quân:** Có 6 Sư đoàn Chiến Thuật với quân số cơ hữu trên 41,000 người, được phân phối như sau: Sư Đoàn 1 Không Quân ở Đà Nẵng, Sư Đoàn 2 Không Quân ở Nha Trang, Sư Đoàn 3 Không Quân ở Biên Hòa, Sư Đoàn 4 Không Quân tại Cần Thơ, Sư Đoàn 5 Không Quân ở Sài Gòn và Sư Đoàn 6 Không Quân ở Pleiku. Không Quân có 66 phi đoàn gồm 22 phi đoàn chiến đấu với 510 phi cơ đủ loại, trong số này có 30 chiếc phản lực cơ tối tân F5E. Ngoài ra còn 25 phi đoàn trực thăng võ trang với 900 chiếc, năm phi đoàn vận tải với 80 phi cơ từ C47, Dakota, C123, C130 và 14 phi đoàn trinh sát với 360 trinh sát cơ.

Binh Chủng Không Quân có Trung Tâm Huấn Luyện Sĩ Quan Không Quân tại Nha Trang, rất nổi tiếng. Sau ngày 30-4-1975, chỉ có 172 phi cơ đủ loại của KQ.VNCH bay sang được Thái Lan và một số ít trực thăng, bay ra các chiến hạm Mỹ ở Biển Đông.



* **Hải Quân:** Tính đến năm 1975, quân số lên tới 39,000 người, gồm 1,611 tàu thuyền đủ loại, được phân thành 5 vùng Duyên Hải, 2 vùng Sông Ngòi và 1 Hạm đội Tuần Duyên có 83 chiến hạm đủ loại.

Hải quân có 4 Lực Lượng Đặc Nhiệm, thuộc Hành Quân Lưu Động Sông : Lực Lượng 211 Thủy Bộ, Lực Lượng 212 Tuần Thám, Lực Lượng 214 Trung Ương và Lực Lượng 99 Đặc Nhiệm.

Ngoài ra còn có Lực Lượng 213 Duyên Phòng, Liên Đoàn Tuần Giang, 28 duyên đoàn, 20 giang đoàn xung phong, 3 Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân, trong đó Trung Tâm Huấn Luyện Nha Trang dành cho các Sĩ Quan Hải Quân

* **Cơ cấu Tiếp Vận:** Gồm 5 Bộ Chỉ Huy Tiếp Vận tại các Quân Khu, riêng Vùng II có 2 cơ cấu tiếp vận, BCH2 đóng tại Qui Nhơn và BCH5 đóng tại Nha Trang, sau đó dời về bán đảo Cam Ranh, khi Mỹ rút về nước.

Tổng Cục Tiếp Vận đóng tại Sài Gòn, gồm các cơ cấu như Cục Quân Y, Quân Vận, Quân Cụ, Truyền Tin, Quân Bưu và Công Binh. Tất cả có nhiệm vụ yểm trợ trực tiếp cho các quân binh chủng cũng như các Tiểu khu, Quân trường.

Ngoài các lực lượng chính quy trên, còn có thêm 140.000 Địa Phương Quân, được tổ chức thành 367 tiểu đoàn và 85 đại đội biệt lập. Tất cả các đơn vị Địa Phương Quân được đặt dưới quyền sử dụng của tiểu khu trưởng, chi khu trưởng.

Từ sau Tết Mậu Thân 1968, nhiều quân nhân Bộ Binh cũng như các đơn vị Tổng Trừ Bị, được chuyển vì lý do gia cảnh về nguyên quán. Do đó, nhiều Tiểu Đoàn DPQ tại Quảng Nam, Bình Thuận, Long Khánh, Hậu Nghĩa, Long An..đã chiến đấu kiêu dũng, hào hùng không thua kém bất cứ một đơn vị nào của QLVNCH.

3. Các quân trường và những đơn vị nổi tiếng của VNCH

*** SƯ ĐOÀN NHẢY DÙ**

Là một trong những đại đơn vị hàng đầu và kiêu hùng của QLVNCH. Binh chủng Nhảy Dù rất có kỷ luật, kỷ cương nên được sự mến mộ của đồng bào Miền Nam trong suốt cuộc chiến. Đơn vị này chính thức được thành lập ngày 29-9-1954, khi Pháp giao lại cho Quân Đội VNCH, Chiến Đoàn 3 Nhảy Dù (6A-P3), gồm các Tiểu Đoàn 1, 3, 4, 5, 6, 7 do Thiếu Tá Đỗ Cao Trí làm Chỉ Huy Trưởng.

Ngay khi trở thành đơn vị chiến đấu nòng cốt của VNCH, Nhảy Dù đã nhập cuộc, đánh tan lực lượng phản loạn của Bình Xuyên tại Sài Gòn-Chợ Lớn, cuối cùng tiêu diệt chúng tại sào huyệt ở tận Rừng Sát (Phước Tuy). Ngày

26-10-1959, Nhảy Dù được nâng từ Liên Đoàn lên Lữ Đoàn và do Trung Tá Nguyễn Chánh Thi, làm Lữ Đoàn Trưởng.

Do nhu cầu cuộc chiến càng lúc càng sôi động và leo thang, kể từ ngày 1-2-1965, lần nữa Nhảy Dù lại được nâng lên cấp Sư Đoàn, với đầy đủ các cơ cấu trực thuộc, từ đơn vị tác chiến tới yểm trợ. Sư Đoàn có ba Lữ Đoàn tác chiến, ba Tiểu Đoàn Pháo Binh Dù, một Tiểu Đoàn Công Binh, một Tiểu Đoàn Quân Y, Các Đại Đội Trinh Sát, Điện Tử, Kỹ Thuật. Từ năm 1965 tới 1972, Trung Tướng Dư Quốc Đống là Tư Lệnh Nhảy Dù. 1972 tới cuối tháng 4-1975, Tư lệnh Nhảy Dù là Chuẩn Tướng Lê Quang Lương.

Vào những ngày tháng 4-1975, Sư Đoàn Dù thành lập thêm Lữ Đoàn 4 Nhảy Dù, do Trung Tá Lê Minh Ngọc làm Lữ Đoàn Trưởng. Chính đơn vị này, đã cùng với Chiến Đoàn 3, Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù, đánh những trận cuối cùng tại vùng ven đô và ngay trong thành phố Sài Gòn, giống như các chiến sĩ của SD18BB tại Xuân Lộc, làm vỡ mật quân xâm lăng Bắc Việt, trước khi Miền Nam bị sụp đổ.

*** SƯ ĐOÀN THỦY QUÂN LỤC CHIẾN**

Từ ngày thành lập cho tới khi rã ngũ, binh chủng TQLC đã cùng với Nhảy Dù, Biệt Cách và Biệt Động Quân, vây vùng khắp bốn vùng chiến thuật và mặt trận ngoại biên.

Chính các địa danh Đầm Dơi (An Xuyên), Thành phố Huế, quốc lộ 9 và nhất là Cổ Thành Đinh Công Tráng (Quảng Trị)..đã đưa tên tuổi người lính TQLC/VN vào quân sử, hãnh diện đứng ngang hàng với các quân binh chủng thiện chiến nhất trên thế giới.

Binh chủng TQLC được chính thức thành lập vào tháng 10-1954, với quân số nòng cốt được tuyển chọn từ mọi binh chủng như Hải quân, Bộ binh và Biệt Kích. Với quân số ban đầu chừng 2400 người, TQLC thành lập Tiểu Đoàn 1 và các Đại Đội Biệt Lập. Chính Tiểu Đoàn 1/TQLC vào năm 1959, khi được Tổng Thống Ngô Đình Diệm, giao cho trọng trách, trấn giữ quần đảo Hoàng Sa. Nhờ vậy đơn vị này mới có cơ hội đánh đuổi Hải Quân Trung Cộng tới chiếm quần đảo trên, khi Hồ Chí Minh và Phạm Văn Đồng, ký bán lãnh thổ VN cho Tàu vào năm 1958.

Từ đầu năm 1961, TQLC được tăng quân số lên 3321 người, chia thành bốn Tiểu Đoàn và các đơn vị yểm trợ, trực thuộc Bộ Tổng Tham Mưu. Ngày 1-1-1962 được nâng thành Lữ Đoàn, có quân số 5483 người. Trong dịp Việt Nam hoá chiến tranh, TQLC được nâng thành Sư Đoàn hơn 11.000 người, từ năm 1969 tới khi tan hàng. Tư lệnh cuối cùng của binh chủng này là Thiếu Tướng Bùi Thế Lân.

*** BIỆT ĐỘNG QUÂN**

Trong các đơn vị tổng trừ bị của QLVNCH, binh chủng Biệt Động Quân bị thiệt thòi nhất, từ cơ cấu tổ chức cho tới vấn đề biệt phái sử dụng.

Nguyên do vì BDQ không có Bộ Tư Lệnh mà chỉ có Bộ Chỉ Huy, qua các vị Chỉ Huy Trưởng như Thiếu Tá Phan Trọng Chinh, Đại Tá Lam Sơn, Đại Tá Phan Xuân Nhuận, Đại Tá Trần Văn Hai, Đại Tá Trần Công Liễu và Thiếu Tướng Đỗ Kế Giai. Những ngày cuối cùng tháng tư đen, BDQ được nâng thành Sư Đoàn Biệt Động Quân.

BDQ được thành lập năm 1960, là một binh chủng biệt động cảm tử, nên được sử dụng tối đa trong các cuộc hành quân trực thăng vận, nhảy vào tận sào huyệt của VC, tại căn cứ hậu cần và mật khu, khắp bốn vùng chiến thuật. Từ ngày thành lập tới khi rã ngũ, BDQ có 15 Liên Đoàn gồm 45 TD chiến đấu.

BDQ có 2 Trung tâm Huấn Luyện tại Trung Hòa (Củ Chi-Hậu Nghĩa) và Dục Mỹ (Khánh Hòa). Đây chính là lò luyện thép, huấn luyện tân binh cùng với các khoá học về Rừng Núi Sinh Lầy-Biệt Động, cho các cấp Hạ Sĩ quan và Sĩ Quan/QLVNCH.

Trong suốt cuộc chiến Đông Dương lần thứ hai (1960-1975), dân chúng sống ở Vùng 4 Chiến Thuật, không ai là không biết tới uy danh lừng lẫy của những con cọp, thuộc các Tiểu Đoàn 41, 42, 43 và 44 BDQ. Năm 1967, Tiểu Đoàn 37 BDQ là đơn vị duy nhất của QLVNCH, được biệt phái cho Hoa Kỳ, để trấn giữ căn cứ Khe Sanh. Trong suốt thời gian chiến đấu, TD này đã giữ vững phòng tuyến, dù bị bắt làm tiền đồn và bị cộng sản tấn công biển người. Sự kiện trên, đã làm cho các quân nhân Hoa Kỳ thêm kính nể QLVNCH. Ngoài ra, hai Tiểu Đoàn 21 và 39 BDQ thuộc Liên Đoàn 1/BDQ cũng là những đơn vị thiện chiến nhất của binh chủng, làm rạng rỡ màu mũ nâu, trong cuộc hành quân Lam Sơn 719 và tại mặt trận Sa Huỳnh (Quảng Ngãi) năm 1973. Riêng TD 43 BDQ là đơn vị cuối cùng, tử thủ tại Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung, tới trưa 30-4-1975, mới buông súng rã ngũ khi có lệnh bắt đầu hàng.

Từ năm 1966, binh chủng BDQ cải tổ và thành lập các Liên Đoàn, đặt trực thuộc Quân Đoàn. Ngày nay khi nhớ về binh chủng, những quân nhân các cấp của BDQ luôn hãnh diện vì đã làm xong trách nhiệm đời trai. Nhiều cấp chỉ huy của binh chủng, đã đi vào quân sử như Chuẩn Tướng Trần Văn Hai, Đại Tá Hồ Ngọc Cẩn, Trung Tá Võ Vàng, Thiếu Tá Trần Đình Tự..

*** LỰC LƯỢNG ĐẶC BIỆT**

Chính thức thành lập từ năm 1957 cho tới ngày 1-1-1963, binh chủng LLDB thuộc Sở Liên Lạc Phủ Tổng Thống, gồm 3 cơ cấu: **Sở Bắc** (sau đổi thành Nha Kỹ Thuật), **Sở Nam** (sau đổi thành Sở Liên Lạc) và các **Toán Lực Lượng Đặc Biệt**.

Sở Bắc đặc trách chiến lược tình báo ngoài lãnh thổ VNCH. Sở Nam trách nhiệm tình báo trong nước. Các Toán LLDB còn được gọi Biệt Kích hay Biệt Cách. Đây là những đơn vị cảm tử, chuyên hoạt động sâu trong vòng địch đóng, không được quân bạn yểm trợ, nên mọi trường hợp nguy cấp,

người Biệt Kích Quân, phải tự mưu sinh để sống còn. Từ năm 1966, Hoa Kỳ chuyển giao toàn bộ lực lượng Dân Sự Chiến Đấu (Mike Forces) cho Bộ Tư Lệnh LLDB/VN.

Là một binh chủng đặc biệt trong chiến tranh qui ước, nên quân số LLDB đã có lúc lên tới 36.000 người, bao gồm 66 trại Lực Lượng Đặc Biệt, nằm rải rác dọc theo biên giới Việt-Lào-Miên. Đây chính là những chướng ngại vật của cộng sản Bắc Việt, trên đường xâm nhập vào lãnh thổ VNCH. Vì vậy từ năm 1965 về sau, nhiều trận đánh đẫm máu giữa bộ đội Hà Nội và LLDB tại Pleiku, Ben Het, Đức Cơ, Dakto, Đồng Xoài, Lộc Ninh, Tống Lê Chân, Kàtum, Bến Sỏi..

Bắt đầu từ năm 1970, các trại LLDB tại vùng biên giới bị giải tán, nên Biệt Kích Quân tại đây được chuyển sang Biệt Động Quân Biên Phòng. Riêng quân số của Trung Tâm Huấn Luyện Hành Quân Delta và Tiểu Đoàn 81 Biệt Cách Dù, được nhập chung thành Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù, trực thuộc Phòng 3 Bộ TTM.

Những ngày cuối tháng 4-75 của đất nước, Chiến Đoàn 3 của LD81 BCD về bảo vệ Bộ TTM, đã tiêu diệt nhiều tăng pháo của Bắc Việt tại Ngã Tư Bảy Hiền, Bệnh Viện Vì Dân, Lăng Cha Cả Sài Gòn. Hai câu thơ bất hủ của một cô giáo, bị kẹt lại trong Mặt Trận An Lộc vào năm 1972, đã nói lên tinh thần quyết chiến và sự hy sinh tột cùng của người chiến sĩ Lực Lượng Đặc Biệt:

*"An Lộc Địa - Sử Ghi Chiến Tích
Biệt Cách Dù - Vị Quốc Vong Thân"*



Troopers of South Vietnam's 81st Airborne Ranger Group prepare to fly to the relief of the embattled garrison at the city of Phuoc Binh on January 8.

*** TRƯỜNG VÕ BỊ QUỐC GIA ĐÀ LẠT**

Chính thức được thành lập tại Huế năm 1948, với nhiệm vụ đào tạo các sĩ quan trung đội trưởng. Năm 1950, trường di chuyển lên cao nguyên Đà Lạt và đổi tên là Trường Võ Bị Liên Quân. Ngày 29-7-1959, Bộ Quốc Phòng ban hàng Nghị Định số 317, cải tổ cơ sở huấn luyện trên thành một Trường Cao Đẳng chuyên nghiệp. Theo đó các sĩ quan tốt nghiệp, ngoài căn bản quân sự vững chắc, còn có trình độ văn hóa tương đương với bậc đại học. Nhưng dù lý thuyết là thời gian thụ huấn phải đủ bốn năm và trình độ sinh viên được nhập khóa, phải có chứng chỉ Tú Tái Phần 2-ban A-B, nhưng thực tế các khóa học, cũng không đồng nhất và hoàn toàn tùy theo hoàn cảnh.

Do đó, từ khóa 1 tới khóa 11 phụ, thời gian học chỉ trên một năm.

Từ khóa 12 tới khóa 22A năm 1965, thời gian thụ huấn từ 1 năm rưỡi - 3 năm.

Bắt đầu khóa 22B (20-11-1965) cho tới khóa 27, thời gian thụ huấn đúng 4 năm.

Khoá 28 chỉ học 3 năm rưỡi.

Khoá 29 học 2 năm rưỡi.

Khoá 30 cuối cùng, nhập học ngày 31-1-1974, tới đầu tháng 4-1975, di tản về học chung với Trường Bộ Binh Thủ Đức, được di chuyển tới Long Thành (Biên Hòa) và tan hàng.

Chỉ Huy Trường đầu tiên của Trường Võ Bị là Trung Tá Chaix (1949) và cuối cùng là Thiếu Tướng Lâm Quang Thơ.

Tọa lạc trên dãy đồi hùng vĩ của Cao Nguyên Lâm Viên, ngất ngưỡng giữa trời xanh lồng gió, Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt bề thế, với lối kiến trúc tân kỳ, gồm đủ các phòng ốc, thư viện và phòng thí nghiệm. Tất cả do nhà thầu Hoa Kỳ đảm trách, đưa ngôi trường lên địa vị ngang hàng với các quân trường nổi tiếng nhất vùng Đông Nam Á, cũng như trường Võ Bị West Point của Mỹ.

Những thanh niên thời đại của Miền Nam VN trong cơn ly loạn, ai nấy đều ao ước được trở thành Sĩ Quan Đà Lạt, nhưng một số không toại nguyện vì sau này, điều kiện nhập học rất khó khăn. Sinh viên ngoài việc phải có chứng chỉ Tú Tài Phần 2-AB, còn phải qua một kỳ thi tuyển. Với các thiếu nữ VN, thì rất hãnh diện khi được sòng đôi với người yêu, trong bộ lễ phục Gabardine mùa đông, có màu Jasper với huy hiệu của Trường, trên cầu vai đỏ và nón kết. Từ năm 1948 cho tới khi Miền Nam bị sụp đổ, Trường Võ Bị đã đào tạo được 4600 sĩ quan. Nhiều người được thăng cấp tướng, giữ các chức vụ then chốt trong quân đội cũng như các cơ cấu của chính phủ.

*** TRƯỜNG BỘ BINH THỦ ĐỨC**

Từ tháng 10-1951, để đáp ứng nhu cầu chiến trường, hai trung tâm đào tạo sĩ quan trừ bị được thành lập tại Nam Định (Bắc Phần) và Thủ Đức (Nam Phần). Chính khóa 1 SQTĐ đã được khai giảng cả hai nơi kể trên.

Để thống nhất việc giảng dạy, đầu năm 1952, trung tâm Nam Định được sáp nhập vào Thủ Đức. Ngôi trường tọa lạc trên dãy đồi thấp thuộc xã Tăng Nhơn Phú, quận Thủ Đức, tỉnh Gia Định. Từ đó trường liên tục được xây cất và chỉnh trang, trở thành một trong những trường Võ Bị, đẹp và lớn nhất vùng Đông Nam Á.

Cuối năm 1955, trường Bộ Binh Thủ Đức trở thành Liên Trường Võ Khoa Thủ Đức, vừa đào tạo Sĩ Quan Trừ Bị Bộ Binh, vừa huấn luyện chuyên môn cho các binh chủng như Thiết Giáp, Pháo Binh, Công Binh, Truyền Tin, Quân Nhu, Quân Cụ và Quân Vận. Từ sau tháng 10-1961, phần lớn các trường chuyên môn được dời tới các địa điểm mới nhưng danh xưng Liên Trường, vẫn còn được sử dụng, vì tại Trường vẫn có ba trường hiện diện: Trường Bộ Binh-Trường Thiết Giáp –Trường Võ Thuật Thể Dục Quân Sự.

Chương trình huấn luyện cho sinh viên sĩ quan Thủ Đức gồm hai giai đoạn. Bắt đầu từ khóa 6 trở về sau, sinh viên tốt nghiệp mang cấp bậc Chuẩn úy trừ bị. Từ tháng 2-1969 cho tới ngày 30-4-1975, trung tâm trở lại danh xưng cũ 'Trường Bộ Binh Thủ Đức'. Sau 24 năm hoạt động, trường đã đào tạo được 69 khóa sĩ quan trừ bị, với 80.000 sĩ quan. Trong số này nhiều người đã trở thành tướng lĩnh rất có tên tuổi như Trung Tướng Ngô Quang Trưởng (Tư Lệnh QĐ1), Thiếu Tướng Nguyễn Khoa Nam (Tư Lệnh QĐ4), Thiếu Tướng Bùi Thế Lân (Tư Lệnh TQLC), Thiếu Tướng Nguyễn Ngọc Loan (Tổng Giám Đốc CSQG).....

Ngày 27-4-1975, trường từ Long Thành dời về Thủ Đức, tại địa điểm cũ ở đồi Tăng Nhơn Phú. Sáng 30-4-1975, xe tăng T54 của cộng sản Bắc Việt tấn công trường nhưng cả 4 chiếc đều bị sinh viên sĩ quan tiêu diệt bằng đại bác 105 bắn trực xạ cũng như M72 và lựu đạn lân tinh.

*** TRUNG TÂM HUẤN LUYỆN HẢI QUÂN NHA TRANG** - Tọa lạc tại đường Duy Tân Nha Trang, chính thức khai giảng từ tháng 8-1952 nhưng phải tới tháng 7-1955, trường mới thuộc chủ quyền hoàn toàn của VNCH.

Muốn được theo học, các sinh viên Hải Quân phải có chứng chỉ Tú Tài 2-Ban B. Thời gian thụ huấn là 2 năm, về văn hóa sinh viên có trình độ tương đương bậc đại học. Ra trường, tốt nghiệp mang cấp bậc Thiếu Úy Hải Quân.

Do nhu cầu chiến trường, từ năm 1962-1968, sinh viên HQ chỉ học 18 tháng. Bắt đầu khóa 18 cho tới khóa cuối cùng là 26, sinh viên học đủ 2 năm. Suốt thời gian hoạt động, trường đã đào tạo được 2538 sĩ quan Hải

Quân và 15.050 chuyên viên ngành HQ. Chỉ Huy Trưởng cuối cùng của trường là Phó Đề Đốc Nguyễn Thanh Châu (16-1-1973 tới 1-4-1975).

*** LIÊN ĐOÀN NGƯỜI NHÁI**

Nếu trên bộ có Biệt Kích-Biệt Cách, thì dưới nước có Người Nhái. Họ là những thanh niên thời đại, sống bằng lý tưởng nên xem cái chết nhẹ tựa lông hồng, khi được giao phó những nhiệm vụ đặc biệt, vô cùng nguy hiểm như ngăn chống lại đặc công thủy của Bắc Việt, vớt mìn, gỡ thủy lôi, cứu tù binh..

Được thành lập từ năm 1961, với danh xưng là 'Liên Đội Người Nhái', được huấn luyện tại Đài Loan. Bắt đầu từ tháng 10-1962, Người Nhái Mỹ (Seal West Coast), phụ trách huấn luyện cho Người Nhái VNCH, tại các Trung Tâm Cát Lái, Nha Trang, Cam Ranh và Vũng Tàu. Muốn trở thành Biệt Hải, Người Nhái..các quân nhân phải trải qua nhiều khóa huấn luyện gian khổ, giống như sự đào tạo một điệp viên ngoại hạng, trong chiến tranh nhà nghề. Do đó Người Nhái biết sử dụng tất cả các loại vũ khí của Tây Phương cũng như Khối Cộng Sản, biết cách hoạt động, mưu sinh cũng như đào thoát, vì địa bàn hoạt động bao giờ cũng nằm sâu trong đất địch, không có quân bạn và yểm trợ. Thời gian huấn luyện của Người Nhái là 16 tuần, kể cả 10 tuần lễ địa ngục. Từ năm 1972 về sau, quân số Người Nhái tăng lên 600 người và trở thành Liên Đoàn Người Nhái, gồm các Toán Hải Kích, Biệt Hải, Tháo Gỡ Đạn Dược, Trục Vớt, Phòng Thủ Hải Cảng. Có tất cả 6 Khóa Huấn Luyện Người Nhái và Đơn Vị Trưởng cuối cùng của Người Nhái là Hải Quân Trung Tá Trịnh Hòa Hiệp.

*** CÁC VỊ TƯỚNG LÃNH CỦA QLVNCH**

Từ ngày thành lập cho tới khi sụp đổ, QLVNCH có hơn 100 vị tướng lãnh. Người có cấp bậc cao nhất trong quân đội là Cố Thống Tướng Lê Văn Tỵ, Tổng Tham Mưu Trưởng QDVNCH. Nhiều tướng lãnh đã tử trận trước ngày 30-4-1975 như Cố Đại Tướng Đỗ Cao Trí, tướng Nguyễn Việt Thanh, Nguyễn Bá Liên, Trương Quang Ân, Lê Đức Đạt, Nguyễn Văn Hiếu. Ngày 30-4-1975, khi TT Dương Văn Minh ra lệnh đầu hàng, các tướng lãnh Phạm Văn Phú, Nguyễn Khoa Nam, Lê Văn Hưng, Trần Văn Hai, Lê Nguyên Vỹ ..đã lần lượt tự sát để bảo toàn danh dự quân đội và khí tiết của kẻ sĩ. Các tướng Lý Tòng Bá, Nguyễn Vĩnh Nghi, Phạm Văn Sang, Trần Văn Cẩm..bi sa cơ giữa trận, còn Đại Tá Hồ Ngọc Cẩn, Tỉnh Trưởng Chương Thiện, bị VC hành quyết tại Cần Thơ vào ngày 1-5-1975 vì không tuân lệnh đầu hàng.

Sau đó hơn phân nửa các tướng lãnh không bỏ chạy, đều bị bắt đi tù tại các trại giam khổ sai từ Nam ra Bắc, tận biên giới Việt-Lào-Hoa. Chịu cảnh tù tội gần 17 năm, lâu nhất là các tướng Lê Minh Đảo, Trần Quang Khôi, Đỗ Kế Giai, Lê Văn Thân và Trần Bá Di.

4. Nổi bật hạnh của QLVNCH

Hai mươi năm chinh chiến, người Lính VNCH đã có 250.000 gục ngã trước

đạn thù và nửa triệu thương binh chịu đời bất hạnh vì một phần cơ thể đã gửi lại sa trường. Hiện nay chính phủ cũng như QLVNCH không còn nữa, nhưng trong tâm tư của mọi người được sống sót qua cuộc đổi đời mặt kiếp, thì lý tưởng và danh dự của người lính, càng được sáng tỏ, trong niềm hãnh diện chung của quân-dân Miền Nam.

Lịch sử của một quốc gia là những gì trung thực, mà người dân của nước đó đã ghi chép không hề thêm bớt. Nhờ vậy ta mới biết được về cuộc nội chiến của Hoa Kỳ, xảy ra từ năm 1861-1865, cùng với thái độ của dân chúng và chính quyền nước Mỹ tại Miền Bắc là kẻ thắng trận, đã không hề lên án, bỏ tù hay trả thù những người Miền Nam bại trận. Đã vậy, Hoa Kỳ còn ghi ơn tất cả những chiến sĩ của hai miền vừa nằm xuống trong cuộc chiến, vì lý tưởng riêng của họ. Thế chiến 2 kết thúc, tòa án quốc tế Nuremberg, chỉ kết tội những đầu sỏ trong phe Trục, mà không hề bắt bớ hay gây khó khăn cho quân nhân các nước Đức-Ý-Nhật.. Năm 1920, lãnh tụ kháng chiến quân Libya là Tướng Mukhta, bị người Ý bắt và tử hình. Nhưng chính Tổng Tư Lệnh Ý tại Bắc Phi, là người đã ở lại pháp trường, để lo lắng hậu sự cho vị anh hùng dân tộc Libya, vốn là kẻ thù của người Ý lúc đó. Tại VN, khi thực dân Pháp đánh chiếm ba tỉnh miền tây Nam Phần năm 1867, sau đó là thành Hà Nội năm 1873, các tướng lãnh thủ thành đương thời là Phan Thanh Giản, Nguyễn Tri Phương, Hoàng Diệu..đã oanh liệt tử tiết theo thành mất và được kẻ thù là người Pháp, tôn kính mặc niệm như chính các tướng lãnh của họ. Sau rốt là số phận của 500.000 quân nhân Mỹ đã tham chiến tại VN, trong số này hơn 50.000 người tử trận. Ngày nay các chiến sĩ trên đã được quốc dân Hoa Kỳ trả lại công lý và danh dự, để họ hiên ngang ưỡn ngực, cũng như an giấc nghìn thu, bên cạnh ông cha, một đời liệt sĩ. Tất cả đã chết cho lý tưởng quốc gia, sống vinh quang và yên nghỉ trong danh dự.

Người lính VNCH trong suốt hai mươi năm binh lửa cũng vậy, đã phơi gan trải mật để bảo vệ cho đất nước và mạng sống của đồng bào, bị cộng sản quốc tế Bắc Việt xâm lăng giết hại. Tóm lại gần hết cuộc chiến, ở đâu có cộng sản khủng bố cướp bóc giết hại dân lành, là ở đó có sự diện của người lính Miền Nam. Ở đâu có bóng cờ vàng ba sọc đỏ, là ở đó người dân trong vùng chiến nạn, tìm đủ mọi cách trốn thoát sự kềm kẹp của giặc cộng, để trở về vùng quốc gia, nhờ che chở đùm bọc. Ai có làm lính tác chiến hay người cán bộ áo đen Bình Định Nông Thôn, Cán Bộ Xã Hội..mới biết được thế nào là nổi thống khổ, trên đe dưới búa, cá nằm giữa dao thớt, người dân tay không hứng hai lần đạn bạn thù, của người VN trong thời ly loạn. Có là người dân bị kẹt trong vùng xôi đậu, lửa khói bom đạn, mới thấu hiểu đời người lính gian khổ chết chóc muôn trùng. Có là người dân quèn, nghèo sống đời cay cực, mới thương xót cho cảnh ba đồng, ba cọc, của kiếp lính Miền Nam.

Trong nỗi chịu đựng hy sinh âm thầm nhưng thảm nhất là người lính đã không bao giờ được một lời an ủi tử tế của hậu phương, để yên tâm tiếp tục cầm súng giết giặc bảo vệ cho người dân. Trái lại họ còn bị muôn

ngàn bất hạnh đeo đuổi suốt cuộc chiến. Thật vậy, khi cầm súng thì cô đơn, nửa đường bị hậu phương, đồng minh và lãnh đạo phản bội bán đứng. Ngày trở về thì bị giặc trả thù đầy đọa, rồi chết thảm trong đói nghèo tủi nhục.

Tiếp tay với những tâm hồn thác loạn, ăn cơm quốc gia thờ ma cộng sản, là bọn báo chí quốc tế bất tài, a dua, xu thời, nhờ vậy mà cộng sản Bắc Việt, mới có cơ hội tung hoành một mình một cõi, thao túng vể vời huyện thoai, bóp mép lịch sử, để đầu độc các thế hệ VN đang sống trong sự kềm kẹp của chế độ bạo tàn, độc đảng. Nhưng rồi gieo gió thì phải gặt bão, chính sự khoác lác đại khờ trên, đã đưa toàn bộ đảng cộng sản VN chìm trong cái vũng bùn ô nhục, khi bí mật lịch sử lần lượt được mọi phe phái bật mí và hồi tưởng.

Nhưng người lính VNCH từ trước tới nay chỉ biết có cầm súng để chiến đấu giữ nước và bảo vệ sinh mạng cho người khác, chứ không quen viết lịch sử để ca tụng một chiều. Cho nên nếu có được một tiếng cảm ơn hay sự hồi phục danh dự, thì đó cũng chỉ là sự phản tỉnh của thế giới tự do khi đã biết được sự thật cùng ý nghĩa của cuộc chiến mà người Miền Nam phải bán mạng để chống ngăn giặc Bắc xâm lăng tới giờ phút cuối cùng. Ngoài ra còn có sự tưởng tiếc muộn màng của đồng bào hậu phương, đối với người chiến sĩ VNCH, khi chính bản thân và gia đình người dân, qua cuộc đổi đời, cũng đã trở thành nạn nhân tận tuyệt, của một chế độ bạo tàn, của những con người không có nhân tính, mà hôm qua chính người dân coi như thần thành, nên đã công khai giúp và theo chúng, đâm sau lưng đồng đội, đồng bào mình.

*** NGƯỜI LÍNH VNCH BỊ TRÍ THỨC THIÊN TẢ ĐÂM SAU LƯNG**

Trong lúc đất nước đang lâm nguy vì giặc xâm lăng phương Bắc, trong lúc gần hết thanh niên nam nữ thuộc mọi tầng lớp của xã hội miền Nam, không phân biệt sang hèn, kinh thương, bỏ nhà, bỏ lớp, bỏ hết tương lai của tuổi trẻ và đời người để lên đường ra biên cương chống giặc thù. Giữa lúc đất nước lâm than, muôn người khổ khổ vì chiến tranh do Hồ Chí Minh và cộng sản mang từ Liên Xô-Trung Cộng vào để dầy xéo non sông tổ quốc, thì tại hậu phương Miền Nam có một số người tự nhận mình là trí thức, giáo sư, tu sĩ, hầu hết đều đang độ xuân thì, mập mạnh nhưng lại tìm cách đứng bên lề cuộc chiến bằng đủ mọi lý do để được hoãn dịch, trốn nghĩa vụ làm trai trong thời tao loạn. Nếu vì sợ chết mà trốn đi lính, thì cũng còn có thể tha thứ nhưng những hạng người này, không bao giờ chịu để yên cho đồng bào và đất nước mình, đang trần trở trong cơn đau bom đạn, hận thù, đói nghèo và ly biệt. Họ hoàn toàn không thông cảm cho ai hết, ngoài cái lý tưởng đã thu lượm được, qua sách báo tây phương phản chiến và các kinh điển nhật tụng của thiên đảng xã hội chủ nghĩa, trong lúc được sống ở hậu phương, thừa mứa vật chất và thời gian để đâm thọt, phá hoại.

Ngày nay ai cũng biết, cuộc chiến Đông Dương lần thứ hai (1955-1975)

rất đa dạng, phức tạp, khó có thể định nghĩa cho trọn vẹn. Nói chung tùy theo lý tưởng, ai muốn gọi thế nào cũng đều có ý nghĩa riêng với người trong cuộc. Cho nên với người Miền Nam VN, thì đây là một cuộc chiến đấu chống xâm lăng. Cuộc chiến này hoàn toàn khác biệt với cuộc phân tranh của hai họ Trịnh Nguyễn vào thế kỷ thứ 17, lúc đó chỉ là cuộc tương tàn nội da xáo thịt để tranh giành quyền lãnh đạo của đất nước. Trái lại cuộc chiến lần này, người Miền Nam chiến đấu, vừa để tự vệ, vừa bảo vệ phân nửa mảnh đất VN, để khỏi bị Bắc Việt nhuộm đỏ bằng chủ thuyết cộng sản. Nhưng với bọn trí thức thiên tả, phản chiến năm vùng lúc đó, lại trắng trợn phi báng, gọi QLVNCH là lính đánh thuê cho Mỹ.

Chính bọn trí thức thiên tả này, đã lợi dụng tự do báo chí ngôn luận của VNCH, để viết lách, bôi nhọ, xuyên tạc, tuyên truyền phá nát hậu phương, đâm sau lưng chiến sĩ tiền tuyến, đang liều chết để bảo vệ đồng bào, trong đó có cả sinh mạng ký sinh của chúng.

*** MỸ BÁN ĐỨNG VNCH CHO CỘNG SẢN**

Bắt đầu từ ngày 13-5-1968, Mỹ và Bắc Việt đã lén lút đi đêm với nhau tại Paris, để tìm cách đổi chác trên thân xác của VNCH. Nhưng kẻ cắp gặp bà già, nên dù hằng tuần có gặp nhau, Kissinger và Lê Đức Thọ vẫn không đạt được một thỏa thuận nào. Theo tiết lộ mới đây của Kissinger, trong hồi ký 'The Kissinger Transcripts', trong đó đã ghi chép đầy đủ về mọi mánh lới, thủ thuật của Mỹ để ve vãn Trung Cộng, chống lại Liên Xô vào tháng 1-1972. Cũng theo sách dẫn chứng trên, thì Kissinger đã làm đủ mọi thủ đoạn, để đạt cho được mục đích. Trong cuộc, VNCH là con vật tế thần, mà cặp Nixon và Kissinger đã sử dụng, nên cuối cùng dẫn tới sự chấp nhận những điều kiện phi lý, mà Hoa Kỳ dùng bùa viện trợ, ép buộc VNCH phải ký kết trong bản hiệp định ngưng bắn năm 1973. Riêng đối với Bắc Việt, mặt thật cũng đâu có hãnh diện gì hơn VNCH, trong cương vị làm đầy tớ Nga-Tàu. Bởi vậy, khi Liên Xô thấy Mỹ và Trung Cộng đã liên kết với nhau, chắc chắn Tàu Cộng sẽ theo Mỹ, bắt VC ngưng bắn có điều kiện. Bởi vậy, một mặt LX viện trợ tối đa cho Hà Nội, đồng thời ra lệnh cho VC mở hết mặt trận này tới chiến dịch khác, mà lần cuối cùng là ngày quốc hận 30-4-1975, đưa cả nước VN trong ba mươi năm đắm chìm trong cảnh nghèo đói, lầm than, hận thù vì vũng bùn ô uế của cái gọi là thiên đàng xã hội chủ nghĩa.

Người Mỹ đã ký kết hiệp định ngưng bắn Ba Lê, chỉ với mục đích rút quân và đem tù binh về nước, để Nixon đắc cử thêm một nhiệm kỳ tổng thống Mỹ và Kissinger tiếp tục giữ chức lớn trong chính quyền Hoa Kỳ. Ngoài mục đích trên, người Mỹ không cần đếm xỉa gì tới tương lai cũng như số phận của người Việt, nước Việt.

Sau này, khi VNCH đã sụp đổ, nhiều nhân vật quốc tế liên quan tới cuộc chiến VN, đều phê bình sự tặc trách của Hoa Kỳ, khi dựng lên cái quái thai hiệp định ngưng bắn, để bán đứng đồng minh của mình. Chính TT. Nixon cũng đã xác nhận lỗi lầm của mình trong tác phẩm 'No More Vietnam'

rằng tôi đã thấy những vấn đề nan giải của hiệp định Ba Lê nhưng quan trọng nhất trong thỏa ước này là đã không bắt buộc Hà Nội rút hết bộ đội đã xâm nhập về Bắc. Còn M. Gauvin, đại sứ Canada tại Hy Lạp, nguyên chủ tịch uỷ hội kiểm soát quốc tế (CICCS) tại VN, đã tuyên bố 'VNCH bị sụp đổ hoàn toàn do quyết tâm bỏ rơi của Hoa Kỳ. Riêng cái hiệp định ngưng bắn ký kết tại Ba Lê năm 1973, đã không phản ánh được ý muốn và nguyện vọng của người dân Miền Nam, là muốn sống hòa bình và không bao giờ chấp nhận chủ nghĩa cộng sản, nên ngay từ năm 1954, họ đã phải bỏ miền bắc để vào Nam, chạy trốn VC'. Nhưng phê bình một cách thẳng thắn, là Sir R.Thompson 'Sự sống còn của Nam VN, đã bị người Mỹ tước đoạt hay nói thẳng là bán đứng. Có làm như vậy, Hoa Kỳ mới tránh cho nước mình bị khỏi bị xâu xé tan nát. Một điều nghịch lý khác là cộng sản Bắc Việt, bị bó buộc tới bàn hội nghị, không phải để cứu họ, mà là cứu nước Mỹ. Nên dĩ nhiên Mỹ phải đem đồng minh VNCH ra bán đứng, để đền ơn cứu mạng'.

Ngoài vấn đề phải tay tại Nam VN sau khi đã đem được tù binh và hài cốt quân Mỹ về, quốc hội Hoa Kỳ còn bội ước, khi liên tục biểu quyết các đạo luật ngăn cấm can thiệp bằng quân sự của Mỹ tại Nam VN, cắt giảm dần quân viện, không chịu hoán đổi quân trang quân dụng, như các thỏa ước đã ký kết. Sự bất công vô lý, đến đổi Tuỳ Viên Quân Sự (DAO), tại Nam VN, đã phải viết 'Người Lính VNCH do đó, đã phải chấp nhận sống với những nhu cầu, dưới mức bình thường, làm cho tinh thần người chiến sĩ xuống thấp, vì bị hạn chế các phương tiện ngăn chống giặc'. Chỉ có Robert S McNamara, cựu bộ trưởng quốc phòng thời TT.John Kennedy, thì vẫn ngoan cố để chạy tội, quên hết trách nhiệm của mình, trong tác phẩm 'In Retrospect: The Tragedy and Lessons Of VN', bêu xấu và đổ hết trách nhiệm làm mất nước cho QLVNCH.

Sự thật, khi viết về Quân Lực VNCH, hầu hết các nhà quân sự trên thế giới cũng như các sử gia hiện tại của VN như Nguyễn Khắc Ngữ, Chánh Đạo, Phan Nhật Nam, Trần Đại Sĩ, Phạm Huấn, Nguyễn Đức Phương, Phạm Phong Dinh, Trần Gia Phụng, Nguyễn Lý Tưởng..đều đứng chung trên quan điểm ca tụng tinh thần hy sinh và trách nhiệm của người lính VNCH, đối với đất nước và đồng bào. Nhờ thiện chiến, có kỷ luật nghiêm minh, biết bổn phận, nên trong suốt cuộc chiến hai mươi năm, dù lúc nào VNCH cũng bị Bắc Việt tấn công lén như Tết Mậu Thân 1968, Mùa Hè 1972..nhưng họ đã can trường lật ngược hoàn cảnh, để chuyển thắng thành bại. Hầu hết lính và các cấp chỉ huy ngoài chiến trường, đã quyết tử trong giờ thứ 25, tới khi được lệnh bắt buông súng của Dương Văn Minh, mới chịu rã ngũ.

Mới đây có nhiều tác phẩm được công bố như The Patagon Papers, Fires In The Lake của Frances Fitzgerald, The Best and The Brightest của Halberstam và nhất là các hồi ký của Kissinger..đều cho thấy từ khởi đầu cuộc chiến, đến khi tàn cuộc, cho thấy người Mỹ luôn luôn là đạo diễn chính trong thảm kịch VN. Trong lúc cộng sản Bắc Việt, được tập đoàn

Cộng Sản Quốc Tế cả Liên Hiệp Quốc, viện trợ quân sự thả dàn, thì QLVNCH bị Hoa Kỳ qua viện trợ, chèn ép bắt bó tay, nên phải chiến đấu trong nghiệt ngã để sinh tồn. Theo Harry H Noyes, qua tác phẩm 'Herdic Allies', với tư cách là một sĩ quan cao cấp của Mỹ, đã chiến đấu nhiều năm ngoài mặt trận, bên cạnh QLVNCH, nên đã có những nhận định rất thẳng thắn, trái ngược với mồm mép miệng lưỡi bọn nhà báo và chính trị con buôn Mỹ và tây phương. Theo tác giả trên, thì thái độ bêu xấu hay bóp méo sự thật, nhằm vào QLVNCH, chẳng qua chỉ là sự kỳ thị chủng tộc thường thấy của bọn da trắng, lúc nào cũng tự xem mình là văn minh, đứng trên các dân tộc khác. Một điều quan trọng khác, là suốt cuộc chiến đẫm máu tại Nam VN, đa số dân tây phương và Hoa Kỳ, đã bị điệp viên của khối cộng sản, cũng như KGB của Liên Xô, mua chuộc hay tuyên truyền. Do đó lúc nào họ cũng có cảm tình với Bắc Việt, nên cứ bóp méo sự thật, để khinh bỉ VNCH.

Bảo rằng QLVNCH không chịu chiến đấu, trốn trách nhiệm, chỉ muốn khoán trắng cho quân đội Mỹ, kể cả sự oanh tạc Miền Bắc, là một ngang ngược và phi lý. Để trả lời, nhiều người đã hỏi ngược lại người Mỹ rằng 'vậy thì từ năm 1955-1965 và cuối năm 1971-4/1975, khoảng thời gian đó, người Mỹ hoặc chưa tới hay đã rời VN, vậy ai đã chiến đấu với bộ đội Bắc Việt?'. Còn về vấn đề oanh tạc Miền Bắc, từ đầu tới cuối có khi nào Hoa Kỳ giao trách nhiệm cho Không Quân VNCH, cũng như chịu cung cấp cho họ các loại phi cơ chiến đấu tối tân, để chiến đấu cho có hiệu quả. Một bí mật khác, là người Mỹ dành độc quyền oanh tạc Miền Bắc, để thi hành lệnh của Hoa Thịnh Đốn, là đem gần hết số bom đổ xuống biển hay núi rừng không phải là mục tiêu quân sự cần tiêu diệt. Bởi vậy làm sao dám giao nhiệm cho KQ.VNCH?

Còn trong thời gian Mỹ tham chiến tại VN, mở các cuộc hành quân tiêu diệt cộng sản. Tất cả đều là hành quân hỗn hợp, giữa quân đồng minh Hoa Kỳ và VNCH, tiêu biểu như HQ Cedar Faces tại Vùng Tam Giác Sắt (Bình Dương-Hậu Nghĩa), đầu tháng 1-1967, tiếp theo là HQ Toledo, mục đích càn quét Chiến Khu C và Cục R, do lực lượng hỗn hợp, gồm Lữ Đoàn 173 Nhảy Dù-Hoa Kỳ cùng 2 Tiểu Đoàn 33-35/Biệt Động Quân/VNCH đảm trách. Đặc biệt tại Điện Biên Phủ Khe Sanh cuối năm 1967, vẫn có quân VNCH tham dự, đó là TD37- BDQ, thuộc Liên Đoàn 1/BDQ của Quân Đoàn I.

Sau cuộc chiến, để chạy tội bán đứng đồng minh, cũng như phản bội tổ quốc và đồng bào mình, Hoa Kỳ và bọn khoa bảng-trí thức thân cộng Miền Nam, những người muôn năm trong dòng sử Việt, được bia đời phong cho danh hiệu là 'trí thức chồn lười', còn các lãnh tụ cộng sản như Stalin, Mao Trạch Đông, kể cả Hồ Chí Minh, coi rẻ hơn cục phân người vì suốt kiếp chẳng làm được một điều gì tốt hay ích lợi, để giúp cho đất nước và đồng bào. Bọn trí thức này theo chân người Việt tị nạn khắp các nẻo đường hải ngoại, vẫn sống cao sang quyền thế như lúc còn trà trộn trong các đại học, chùa-nhà thờ, tòa báo, trên các trang sách-thơ, vẫn chứng

nào tạt nấy, không hề thay đổi lương tâm một chút gì, dù phong trần đã nếm, vinh nhục bề bề và trên hết là vẫn bám vào người Việt tị nạn cộng sản để mà sinh tồn, dù rằng chúng đã nói là Đã Đi Hết Biển nhưng lại không dám về sống với Việt Cộng, để hưởng vinh hoa phú quý, tự do dân chủ..trong Xã Nghĩa Thiên Đàng, như chúng hằng ca tụng.

Chính người Mỹ và bọn trí thức-khoa bảng thân cộng này, trước sau vẫn đổ trách nhiệm làm sụp đổ Miền Nam cho các cấp lãnh đạo của VNCH.

Riêng sự bảo rằng VNCH không có lãnh đạo xứng đáng, ngang cơ để đối đầu với cáo già Hồ Chí Minh của Bắc Việt, sau khi TT Ngô Đình Diệm bị hạ sát vào ngày 1-11-1963, là điều suy nghĩ quá đáng và đâu có khác gì việc Mỹ nói QLVNCH không chiến đấu, mà chỉ giao hết cho quân đội Hoa Kỳ.

Sự thật, QLVNCH từ 1960-1975, đã có rất nhiều cấp chỉ huy tài ba lẫn đạo đức, vẫn vẹn toàn. Họ được đào tạo từ các quân trường nổi tiếng nhất vùng Đông Nam Á thời đó như trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt, trường Bộ Binh Thủ Đức, trường Đại Học Chiến Tranh Chính Trị, các trung tâm huấn luyện Không Quân và Hải Quân, Học Viện Quốc Gia Hành Chánh và Cảnh Sát..cũng như trường Đại Học Quân Sự.

Ngày xưa người lính VN, chiến đấu trong vinh quang, khi trở về cũng thật hiên ngang, giữa cảnh phu phụ trùng phùng, nồng ấm kết lại mối tình xưa:

*"..xin vì chàng, xếp bào cỡi giáp
xin vì chàng giữ lớp phong sương
vì chàng tay chuốc chén vàng
vì chàng điểm phấn đeo hương nòng.."
(Chinh Phụ Ngâm – Đặng Trần Côn và Đoàn Thị Điểm)*

Ngày nay người chiến sĩ VNCH không có cái điểm phúc trên, vì suốt cuộc chiến hai mươi năm, ngoài mặt trận thì chống trả với kẻ thù trong nỗi cô độc. Khi trở về lại bị kẻ thù đọa đầy, tù ngục và chết trong uất hận ghen ngào.

Thử hỏi trong cõi đời này, có quân đội nào bất hạnh hơn QLVNCH? Trong lúc đã có không biết bao nhiêu người hiện nay, đang sống thản nhiên khắp các nẻo đường hải ngoại, mà hầu hết bản thân họ hay con cháu, hôm qua vẫn sống nhờ sự bảo bọc của lính. Trong số này có rất nhiều người đang dần thân lo chuyện non nước. Không biết trong tâm tư của họ, có một giây phút nào, do lương tâm xao động, khiến họ chợt nghĩ tới những người xưa đã Vị Quốc Vong Thân? Cũng may hầu hết người Miền Nam, xưa nay vẫn biết ơn người lính năm nào, nhất là sau ba mươi năm qua, đã biết hết cảnh đời oan nghiệt.

Xưa người lính chiến đấu anh dũng trong khói lửa để bảo quốc an dân.

Nay những người lính già còn sót lại sau cuộc chiến và lớp hậu duệ của lính năm nào, đã và đang tiếp tục tranh đấu không ngừng, cho một ngày về quang phục quê hương được sống thật với tự do và no ấm, như chúng ta hiện nay đang hưởng tại quê người.

*"..tôi nghiệp, đời trai chưa thỏa chí
sa trường dung ruỗi đã phơi thân
đoàn quân hùng liệt nay về đất
hồn vẫn quanh co giẫm lối gầy
chiều chiều đứng ngóng ngàn mây nổi
mà khóc quê hương khuất bến bờ
nhớ lúc hát rừng nơi chiến địa
mộng hoàng hoa, khép giữa hư vô.."*

Xóm Cồn - Mùa Quốc Hận

Hồ Đỉnh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Báo Chí Quốc Tế
- Quân Sử VNCH của Bộ TTM
- Ngày Cuối Cùng của Nguyễn Khắc Ngữ
- Quân Sử của các Sĩ Gia Chánh Đạo, Phan Nhật Nam, Nguyễn Đức Phương, Trần Đại Sĩ, Phạm Phong Dinh, Trần Gia Phụng, Phạm Kim Vinh, Nguyễn Lý Tưởng....
- Báo Chí VN tại Hải Ngoại
- Trang Web Đoàn Kết, Lịch Sử VN, Con Ong, VN Nhật Báo.

Nguồn:<http://yeunuocvietnam.org/redirect.aspx?AUTHOR=PH%C3%B9NG%20NH%C3%A2N&HEADER=PH%C3%B9NG%20NH%C3%A2N>

www.vietnamvanhien.org

